

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 75

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Ông Kang Sang In	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án & quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyệt mật và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 88.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 75, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Luong Xuân Trường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1741-2013-072-1

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Toan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2767-2014-072-1



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.011.785.725.196	4.727.328.006.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	744.284.929.972	1.757.488.542.789
1. Tiền	111		700.705.969.912	644.735.111.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.578.960.060	1.112.753.431.700
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.781.111.111	480.977.090.626
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	18.c	15.781.111.111	480.976.929.625
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.907.666.184.743	1.431.910.735.253
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	652.536.761.514	510.389.473.797
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	652.352.135.378	472.623.486.241
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	471.757.301.956	163.597.064.698
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	141.924.616.282	306.133.573.853
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(10.904.630.387)	(20.832.863.336)
IV. Hàng tồn kho	140	11	111.155.872.899	750.861.629.219
1. Hàng tồn kho	141		111.155.872.899	751.900.658.890
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.039.029.671)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		232.897.626.471	306.090.008.294
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18.a	1.068.003.460	2.559.970.349
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		227.405.582.263	272.173.150.480
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23.a	4.424.040.748	31.356.887.465

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


MẪU SỐ B 01-DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.129.400.580.984	10.338.520.790.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		902.742.701.768	1.768.905.929.689
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	215.000.000.000	513.557.918.202
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	84.211.069.720	257.076.247.600
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	644.944.313.628	1.043.271.763.887
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(41.412.681.580)	(45.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		616.836.912.297	2.259.418.050.201
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	314.559.334.067	404.363.879.069
- Nguyên giá	222		391.716.096.353	528.200.313.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.156.762.286)	(123.836.434.130)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	12.156.410.000
- Nguyên giá	225		-	12.156.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	302.277.578.230	1.842.897.761.132
- Nguyên giá	228		1.290.808.231.541	2.807.921.205.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(988.530.653.311)	(965.023.444.808)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	228.867.175.927	231.291.132.421
- Nguyên giá	231		246.770.059.949	246.879.657.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.902.884.022)	(15.588.525.578)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.343.906.545.332	3.723.280.067.538
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.343.906.545.332	3.723.280.067.538
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	2.615.199.561.844	1.691.480.849.940
1. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	17.a	2.125.996.956.542	1.289.596.145.048
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.b	489.202.605.302	404.787.604.892
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17.b	-	(2.902.900.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		421.847.683.816	664.144.760.845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18.b	75.588.153.264	181.358.073.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19.a	1.029.510.085	4.398.404.198
3. Lợi thế thương mại	269	20	345.230.020.467	478.388.282.909
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.141.186.306.180	15.065.848.796.815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.844.391.013.411	10.424.462.192.919
I. Nợ ngắn hạn	310		1.936.597.721.758	1.664.036.717.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	295.552.403.903	185.372.411.709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	46.243.124.168	26.176.869.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23.b	37.543.540.963	80.890.683.448
4. Phải trả người lao động	314		35.626.348.715	23.219.255.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	17.183.992.887	62.924.103.096
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		66.981.616	313.182.804
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.a	884.427.710.254	406.348.442.595
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26.a	590.797.689.684	717.418.237.021
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	-	146.050.777.680
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.155.929.568	15.322.754.685
II. Nợ dài hạn	330		3.907.793.291.653	8.760.425.475.150
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	28	600.000.000.000	600.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	25.b	258.171.125.875	5.330.746.894
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.b	2.981.866.165.778	7.303.604.738.996
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	29	67.756.000.000	794.581.779.008
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19.b	-	56.908.210.252
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.296.795.292.769	4.641.386.603.896
I. Vốn chủ sở hữu	410	30	4.296.795.292.769	4.641.386.603.896
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.748.282.370.000	2.280.640.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.748.282.370.000	2.280.640.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		413.257.827.361	183.887.934.261
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.660.084.447	6.660.084.447
4. Cổ phiếu quỹ	415		(804.209.093.000)	(196.643.412.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		165.039.127.926	134.815.131.487
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		996.050.531.733	809.955.666.179
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		659.095.244.176	275.998.419.097
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		336.955.287.557	533.957.247.082
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		771.714.444.302	1.422.070.819.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.141.186.306.180	15.065.848.796.815


Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.233.178.181.255	1.774.657.403.704
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	22.422.371.448	23.709.668.959
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.210.755.809.807	1.750.947.734.745
4. Giá vốn hàng bán	11	32	794.509.705.518	1.161.841.229.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		416.246.104.289	589.106.505.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	1.498.432.873.669	1.029.970.200.093
7. Chi phí tài chính	22	34	458.340.282.003	617.916.650.424
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		448.932.002.037	231.159.472.420
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		31.309.041.628	16.893.828.203
9. Chi phí bán hàng	25	35	25.026.515.781	27.649.847.217
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	277.009.876.251	177.593.029.243
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		1.185.611.345.551	812.811.006.457
12. Thu nhập khác	31	37	14.766.422.640	131.601.507.578
13. Chi phí khác	32	38	15.236.823.581	7.572.732.505
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(470.400.941)	124.028.775.073
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.185.140.944.610	936.839.781.530
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	189.708.983.953	147.913.449.353
17. Thu nhập thuế hoãn lại	52	19	(3.078.969.781)	(2.684.439.405)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		998.510.930.438	791.610.771.582
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		838.279.691.403	624.593.504.909
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		160.231.239.035	167.017.266.673
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	3.245	2.857
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	41	3.191	2.322


Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng




Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.185.140.944.610	936.839.781.530
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	452.918.505.198	271.961.329.294
Các khoản dự phòng	03	(104.516.923.548)	17.813.528.199
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(9.021.117.153)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.292.648.409.637)	(1.046.864.028.296)
Chi phí lãi vay	06	435.085.542.012	448.932.002.037
Các khoản điều chỉnh khác	07	(100.661.874.230)	56.721.915.533
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	575.317.784.405	676.383.411.144
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.740.934.487.797)	(121.881.269.016)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	147.521.859.114	(232.118.864.677)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.258.207.683.682	(124.578.518.417)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(35.250.986.359)	21.833.717.711
Tiền lãi vay đã trả	14	(442.747.504.743)	(342.835.494.941)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(192.179.673.758)	(136.882.462.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(430.065.325.455)	(260.079.480.208)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.667.195.830.035)	(2.079.213.506.992)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.708.546.455	220.638.957.047
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(129.101.687.129)	(1.398.196.310.768)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	566.871.752.191	635.484.646.275
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(470.082.301.645)	(1.756.745.592.365)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	668.342.998.801	949.620.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	223.874.317.828	387.075.201.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.681.582.203.534)	(3.041.336.605.598)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	123.450.118.066	381.915.203.771
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(607.565.681.000)	(196.732.132.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.925.471.602.078	7.445.938.662.213
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.002.862.605.560)	(3.488.475.470.582)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(13.027.539.243)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(327.021.978.169)	(650.860.794.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.098.443.916.172	3.491.785.469.149
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.013.203.612.817)	190.369.383.343
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.757.488.542.789	1.567.118.042.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.117.153
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	744.284.929.972	1.757.488.542.789

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) bao gồm tiền thuần đã chi đầu tư vào công ty con là 432.351.373.385 VND, chi đầu tư vào Công ty liên kết là 33.150.000.000 VND và chi đầu tư vào công ty khác là 4.580.928.260 VND. Khoản chi vào công ty con đã bao gồm số tiền Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII") đã đặt mua vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai là 121.176.000.000 VND hiện đang được ghi nhận là một khoản trả trước cho người bán (xem thêm Thuyết minh số 7).

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) bao gồm tiền thuần thu được từ việc chuyển nhượng vốn đầu tư vào các công ty con là 289.153.465.999 VND, tiền thu được từ việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vào công ty liên kết là 199.458.936.000 VND và thu hồi đầu tư vào công ty khác là 179.730.596.802 VND. Chỉ tiêu này không bao gồm số tiền đối tác chưa thanh toán khi nhận chuyển nhượng cổ phần các công ty con với giá trị là 715.738.310.000 VND đang được trình bày là khoản phải thu khách hàng (xem thêm Thuyết minh số 6).

Dòng tiền thu được từ đi vay trong năm (mã số 33) bao gồm tiền tiền vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng là 4.088.591.602.078 VND, phát hành trái phiếu là 380.000.000.000 và nhận hỗ trợ vốn kinh doanh từ các bên liên quan trong tập đoàn là 456.880.000.000 VND.

Dòng tiền trả nợ gốc vay trong năm (mã số 34) bao gồm tiền thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng có giá trị là 2.606.671.455.728 VND, tiền thanh toán trái phiếu là 273.000.000.000 VND và hoàn trả tiền hỗ trợ vốn kinh doanh cho các bên liên quan trong tập đoàn là 123.191.149.832 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoán đổi toàn bộ 1.020 tỷ VND trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư Metro Pacific Tollways Corporation ("MPTC") với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R"). Khoản giảm nợ vay tương ứng với khoản đầu tư vào công ty con đã được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh trong năm.

Nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi tổng trái phiếu trị giá 687.011.883.100 VND thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn chủ sở hữu và giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.748.282.370.000 VND, được chia thành 274.828.237 cổ phần bằng nhau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.280.704.380.000 VND tương ứng với 228.070.438 cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước; kinh doanh hạ tầng nước, môi trường; khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên kết kinh doanh trong 5 lĩnh vực chính là đầu tư cầu đường, kinh doanh nước, bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoán đổi toàn bộ 1.020 tỷ VND trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư Metro Pacific Tollways Corporation (“MPTC”) với 56.666.666 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (“CII B&R”) mà Công ty đang sở hữu. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện thành công giao dịch bán 4.130.000 cổ phiếu của CII B&R. Theo đó, tỷ lệ nắm giữ của Công ty trong CII B&R giảm từ 81,51% xuống 49%, CII B&R trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Trong tháng 12, Công ty đã chuyển nhượng 19.480.000 cổ phần nắm giữ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C), giảm tỷ lệ sở hữu từ 99,54% xuống 49%, CII E&C trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Trong năm, Công ty đã thoái một phần vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB), giảm tỷ lệ sở hữu từ 24,98% xuống 19,99%, Công ty NBB không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Công ty đã chuyển nhượng 100% giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho nhà đầu tư bên ngoài và chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp cho Công ty con là Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Ngày 26 tháng 1 năm 2016, các trái chủ do Goldman Sachs Asset Management quản lý đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 25.000.000 USD trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 29.727.391 cổ phiếu CII, giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh - HFIC cũng đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 44.424.000.000 VND trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 2.362.978 cổ phiếu CII với giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu.

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014 (CII41401) đã thực hiện chuyển đổi 150.428 trái phiếu thành 13.673.830 cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 1:90,9.

Như vậy qua các lần chuyển đổi trái phiếu trong năm, vốn điều lệ của Công ty đã tăng 457.641.990.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 23.751.510 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (06) công ty con và bốn (04) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn ("SII")	Tp. Hồ Chí Minh	55,94%	55,94%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản.
3. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
5. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
6. Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc -Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPII)	Tp. Hồ Chí Minh	49,5%	49,5%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
4. Công ty Cổ phần Hòa Phú	Tp. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết thông qua các công ty con khác như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	47,55%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	50,35%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	30,20%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi	Tp. Hồ Chí Minh	28,52%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	28,53%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	43,08%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	28,53%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<u>Công ty liên kết</u>				
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Tp. Cần Thơ	17,46%	31,21%	Khai thác, cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Tp. Hồ Chí Minh	16,03%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
3. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty THH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII				
<u>Công ty con</u>				
1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	100%	99,99%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê tài sản

Thuê tài sản bao gồm thuê tài chính và thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông có được từ các hợp đồng B.O.T ký giữa Công ty và các cơ quan đại diện của Nhà nước được ghi nhận theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của quyền thu phí được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu thu phí thực tế so với tổng doanh thu kế hoạch trong suốt thời gian thu phí của dự án

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Quyền khai thác các loại khoáng sản như đất, đá mà Công ty có được từ việc mua công ty con được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý của số tiền mà công ty con phải nộp cho UBND địa phương để có được quyền khai thác trong suốt thời gian được phép khai thác. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, các chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm theo tỷ lệ doanh thu thu phí thực tế so với tổng doanh thu kế hoạch trong suốt thời gian thu phí của dự án

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do Ủy Ban nhân Dân tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí in vé cầu đường, chi phí sửa chữa duy tu trạm thu phí giao thông, mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T và tính trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	5.691.398.832	9.171.748.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	695.014.571.080	635.563.362.331
Các khoản tương đương tiền	43.578.960.060	1.112.753.431.700
Cộng	744.284.929.972	1.757.488.542.789

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	16.724.665.724	-
Phải thu từ việc bán vốn công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	-
Phải thu nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần CII E&C	285.738.310.000	-
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật & Xây Dựng Tuấn Lộc	56.206.615.305	-
Phải thu Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.663.160.758	36.652.154.476
Phải thu UBND Tp. Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (ii)	-	251.418.309.508
Phải thu khách hàng khác	42.204.009.727	222.319.009.813
	652.536.761.514	510.389.473.797
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán vốn công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	-
Phải thu UBND Tp. Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (ii)	-	513.557.918.202
	215.000.000.000	513.557.918.202
Cộng	867.536.761.514	1.023.947.391.999
(*) Khoản phải thu các bên liên quan		
Công ty CII E&C	12.546.152.630	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	2.624.165.719	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xa lộ Hà Nội	807.866.596	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	746.480.779	-
Cộng	16.724.665.724	-

(i). Đây là khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát cho Công ty NBB với giá trị chuyển nhượng là 430 tỷ đồng. Theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng, 50% giá trị khoản phải thu sẽ được NBB thanh toán cho Công ty khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát ký thỏa thuận nhận chuyển nhượng lô đất có ký hiệu 3.13 với diện tích 5.823m² tại khu đô thị mới Thủ Thiêm từ Công ty. 50% còn lại sẽ được thanh toán khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

(ii). Khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh (“UBND Tp. HCM”) là khoản phải thu về giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn sau khi chuyển giao. Biến động của khoản phải thu này trong năm như sau:

	Số tiền VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	764.976.227.710
Tăng trong năm	83.425.309.189
Thanh toán trong năm	(184.597.000.000)
Giảm do thoái vốn trong công ty con	(663.804.536.899)
Số dư tại ngày 31/12/2016	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho nhà thầu dự án Thủ Thiêm: (xem thuyết minh số 16)	504.785.512.566	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	277.020.884.437	300.000.000.000
Công ty CII E&C	113.788.451.621	-
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	113.976.176.508	-
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	121.176.000.000	-
Các đối tượng khác	26.390.622.812	172.623.486.241
Cộng	652.352.135.378	472.623.486.241
 <i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	113.788.451.621	-

(i) Đây là khoản Công ty SII đặt mua vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai. Số dư sẽ được kết chuyển vào giá trị đầu tư vào công ty con khi Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai chuyển đổi thành công thành công ty cổ phần.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	367.133.430.926	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	44.105.177.434	110.000.000.000
Công ty NBB	56.518.693.596	53.597.064.698
Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	-
	471.757.301.956	163.597.064.698
b. Dài hạn		
Công ty NBB	58.560.072.120	-
Các khoản hợp tác đầu tư vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	231.425.250.000
	84.211.069.720	257.076.247.600
Cộng	555.968.371.676	420.673.312.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
(*) Cho vay các bên liên quan:		
Phải thu CII B&R (i)	172.174.597.320	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Xa lộ Hà Nội (ii)	194.958.833.606	-
Cộng	367.133.430.926	-

Các khoản cho vay của Công ty phát sinh từ mục tiêu quản lý tiền nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao hơn. Đối tượng vay chủ yếu là các bên liên quan trong nội bộ tập đoàn hoặc các đối tác chiến lược của Công ty. Các khoản cho vay được hưởng lãi suất trong năm dao động trong khoảng từ 9,5% đến 10,5%/năm và vay theo hình thức tín chấp.

(i) Khoản cho CII B&R vay để góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận (Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận) và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để đầu tư vào dự án này. Số dư nợ cho vay đầu kỳ đã được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất vì tại thời điểm đó CII B&R đang là công ty con của Công ty.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội vay để bổ sung vốn lưu động với thời hạn mỗi khoản vay là 12 tháng. Số dư nợ cho vay đầu kỳ đã được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất vì tại thời điểm đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội đang là công ty con của Công ty.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Phải thu về lãi từ trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	76.498.515.770	60.325.053.408
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (i):	15.576.000.000	22.132.821.910
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc</i>	<i>15.576.000.000</i>	<i>13.140.000.000</i>
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	<i>-</i>	<i>8.992.821.910</i>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.983.480.440	62.315.323.081
Các khoản chi hộ	13.976.577.646	301.223.088
Phải thu người lao động	11.640.358.762	12.892.072.347
Vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	6.000.000.000	25.158.013.295
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	2.017.336.945	30.372.490.019
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm đã đáo hạn	-	25.500.000.000
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	-	58.197.291.246
Các khoản phải thu khác	1.232.346.719	8.939.285.459
Cộng	141.924.616.282	306.133.573.853

(i) Đây là phần lãi vốn chủ của các dự án B.O.T sẽ được căn trừ với doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
b. Phải thu dài hạn		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	492.869.280.000	398.369.280.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T:	3.891.873.610	495.878.521.263
<i>Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	-	366.060.784.728
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	-	107.913.862.925
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc</i>	3.891.873.610	21.903.873.610
Ký cược, ký quỹ	106.770.478.438	104.023.962.624
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	41.412.681.580	45.000.000.000
Cộng	644.944.313.628	1.043.271.763.887
Cộng các khoản phải thu khác	786.868.929.910	1.349.405.337.740
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Phải thu CII B&R	24.393.592.658	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xa lộ Hà Nội	36.939.842.455	-
	61.333.435.113	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU

	31/12/2016			01/01/2016			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
a. Ngắn hạn	10.904.630.387	-		21.031.918.938	199.055.602		
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	>3 năm	6.470.833.334	-	2 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Cổ Mễ - Vườn Việt
Phải thu giá trị thi công công trình	1.880.000.000	-	>3 năm	1.880.000.000	-	>3 năm	Công ty CP XNK Đầu tư Tổng hợp & Hợp Tác Quốc Tế (Gelexim)
Các khoản phải thu, cho vay khác đã quá hạn thanh toán	388.402.020	-	>3 năm	10.515.690.571	199.055.602	2-3 năm	Các đối tượng khác
b. Dài hạn	41.412.681.580	-		45.000.000.000	-		
Nợ gốc trái phiếu	41.412.681.580	-	>3 năm	45.000.000.000	-	2 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Cộng	52.317.311.967	-		66.031.918.938	199.055.602		
Giá trị tổn thất đã trích lập dự phòng		52.317.311.967			65.832.863.336		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.540.616.044	-	48.237.047.695	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	702.138.112	-	815.990.022	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.711.187.529	-	687.818.581.567	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án</i>	<i>69.178.898.763</i>	<i>-</i>	<i>266.828.688.436</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>414.742.074.183</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	<i>19.532.288.766</i>	<i>-</i>	<i>861.956.035</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí dịch vụ dở dang</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.385.862.913</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	11.302.565.093	-	13.971.909.978	(940.152.856)
Hàng hóa	276.628.976	-	1.045.508.146	(64.770.451)
Hàng gửi bán	622.737.145	-	11.621.482	-
Cộng	111.155.872.899	-	751.900.658.890	(1.039.029.671)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	111.281.943.351	191.320.627.130	223.889.463.195	1.708.279.523	528.200.313.199
Mua trong năm	5.079.052.834	5.038.048.527	8.592.859.664	644.230.000	19.354.191.025
Đầu tư XDCB hoàn thành	471.460.818	-	-	-	471.460.818
Tăng do mua công ty con trong năm	4.784.851.423	11.538.893.725	2.356.110.946	1.371.541.390	20.051.397.484
Tăng khác	2.203.283.752	4.027.310.888	-	-	6.230.594.640
Thanh lý, nhượng bán	(286.363.636)	(8.511.194.590)	(3.277.790.461)	(52.517.189)	(12.127.865.876)
Giảm do thanh lý công ty con	(51.071.581.568)	(93.122.360.138)	(22.802.726.402)	(2.799.005.656)	(169.795.673.764)
Giảm khác	-	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)
Tại ngày 31/12/2016	72.462.646.974	109.623.004.369	208.757.916.942	872.528.068	391.716.096.353
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	17.903.804.159	68.682.498.611	35.846.416.736	1.403.714.625	123.836.434.130
Khấu hao trong năm	4.844.928.220	15.677.290.122	12.236.834.504	338.981.365	33.098.034.211
Tăng do mua công ty con trong năm	3.211.658.565	4.326.459.885	1.912.354.948	787.154.719	10.237.628.117
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.104.265.989)	(1.847.610.096)	-	(3.951.876.085)
Giảm do thanh lý công ty con	(15.545.795.119)	(52.223.156.294)	(15.851.317.029)	(1.774.868.472)	(85.395.136.914)
Giảm khác	-	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)
Tại ngày 31/12/2016	10.414.595.825	33.690.505.162	32.296.679.063	754.982.237	77.156.762.286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	93.378.139.192	122.638.128.519	188.043.046.459	304.564.898	404.363.879.069
Tại ngày 31/12/2016	62.048.051.149	75.932.499.207	176.461.237.879	117.545.831	314.559.334.067

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.060.930.334 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26.583.085.341 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá của tài sản cầm cố thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 355.409.179.486 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 356.793.949.753 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Máy móc thiết bị

VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2016

12.156.410.000

Thuê trong năm

9.516.193.620

Giảm do thanh lý công ty con

(21.672.603.620)

Tại ngày 31/12/2016

-

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2016

-

Khấu hao trong năm

1.816.932.301

Giảm do thanh lý công ty con

(1.816.932.301)

Tại ngày 31/12/2016

-

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2016

12.156.410.000

Tại ngày 31/12/2016

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	2.790.834.416.674	10.801.374.450	5.542.557.673	742.857.143	2.807.921.205.940
Mua trong năm	-	-	9.031.616.965	-	9.031.616.965
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.524.732.124	-	-	-	1.524.732.124
Giảm do thanh lý công ty con	(1.515.711.532.783)	(8.031.674.450)	(460.681.734)	(742.857.143)	(1.524.946.746.110)
Thanh lý, nhượng bán	(439.225.126)	-	(80.068.500)	-	(519.293.626)
Giảm khác	(2.203.283.752)	-	-	-	(2.203.283.752)
Tại ngày 31/12/2016	1.274.005.107.137	2.769.700.000	14.033.424.404	-	1.290.808.231.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	962.573.866.646	1.100.582.605	685.305.079	663.690.478	965.023.444.808
Khấu hao trong năm	331.172.147.742	127.991.637	932.142.449	50.000.004	332.282.281.832
Giảm do thanh lý công ty con	(306.244.624.743)	(1.205.726.713)	(260.495.956)	(713.690.482)	(308.424.537.894)
Thanh lý, nhượng bán	(350.535.435)	-	-	-	(350.535.435)
Tại ngày 31/12/2016	987.150.854.210	22.847.529	1.356.951.572	-	988.530.653.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	1.828.260.550.028	9.700.791.845	4.857.252.594	79.166.665	1.842.897.761.132
Tại ngày 31/12/2016	286.854.252.927	2.746.852.471	12.676.472.832	-	302.277.578.230

Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku và một số phần mềm vi tính đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Tổng nguyên giá của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.493.046.819 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.769.700.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, quyền thu phí giao thông của Công ty bao gồm:

a. Quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm 2016 là 66% (trong năm 2015 là 61,2%).

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền và các lợi ích kinh tế khác từ quyền thu phí giao thông để đảm bảo cho các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.

Ngoài ra, Công ty đã sử dụng quyền thu phí này để thực hiện ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII B&R (xem thêm thuyết minh số 25)

b. Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2

Quyền thu phí này nhằm để hoàn vốn đầu tư dự án cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1 - giai đoạn 2). Nguyên giá là 215.164.902.241 VND. Thời gian thu phí hoàn vốn kết thúc vào ngày 3 tháng 7 năm 2015 nên toàn bộ giá trị đầu tư của dự án đã được khấu hao hết.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	59.065.774.758	187.813.883.241	246.879.657.999
Mua trong năm	-	6.769.437.846	6.769.437.846
Giảm do thanh lý công ty con	(5.836.987.368)	(1.042.048.528)	(6.879.035.896)
Tại ngày 31/12/2016	53.228.787.390	193.541.272.559	246.770.059.949
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	839.830.636	14.748.694.942	15.588.525.578
Khấu hao trong năm	116.739.748	3.950.991.467	4.067.731.215
Giảm do thanh lý công ty con	(956.570.384)	(796.802.387)	(1.753.372.771)
Tại ngày 31/12/2016	-	17.902.884.022	17.902.884.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	58.225.944.122	173.065.188.299	231.291.132.421
Tại ngày 31/12/2016	53.228.787.390	175.638.388.537	228.867.175.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là Khu trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 3, khu văn phòng cho thuê từ tầng 4 đến tầng 5 và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty con – Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương và tỷ lệ cho thuê hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc năm tài chính.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ chi (i)	1.606.856.533.795	1.222.592.789.263
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (ii)	608.717.965.560	42.346.301.419
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	97.417.768.802	91.181.314.788
Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2	-	1.241.341.425.198
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	-	1.107.177.535.654
Các dự án khác	30.914.277.175	18.640.701.216
Cộng	2.343.906.545.332	3.723.280.067.538

(i). Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662.000.000.000 VND, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600.000.000.000 VND, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 VND. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.

(ii). Dự án B.T xây dựng hạ tầng khu đô thị mới Thủ Thiêm là dự án được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác để phát triển mảng kinh doanh bất động sản. Tổng giá trị đầu tư của dự án là 2.641 tỷ VND. Quỹ đất được đổi lấy giá trị hạ tầng là 9 lô đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm trị giá 2.855.307.970.508 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện thanh toán đủ phần chênh lệch giữa giá trị hợp đồng BT và giá trị đất cho UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa tổng chi phí lãi vay là 118.748.200.156 VND vào giá trị đầu tư các dự án. Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng và trái phiếu để sử dụng cho việc đầu tư vào các dự án xây dựng hạ tầng, nhà máy nước, bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CII B&R	993.956.628.531	256.011.257.985	2.296.334.010.600	-	-	-
Công ty VPII	311.850.000.000	12.822.560.979	-	311.850.000.000	13.740.003.862	-
Công ty CII E&C	212.221.317.331	19.464.303.135	-	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	147.202.880.000	13.341.764.670	-	147.202.880.000	5.636.665.969	-
Công ty CP Nước Tân Hiệp	103.344.000.000	10.140.479	-	70.950.000.000	10.140.479	-
Công ty CP Hòa Phú	33.000.000.000	521.625.954	-	33.000.000.000	287.673.093	-
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	814.977.478	-	21.435.500.000	666.935.665	-
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	-	312.583.113.435	(357.925.566)	305.210.115.000
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	-	-	231.625.210.000	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-	-	70.533.623.284	21.734.464.610	-
Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	-	-	-	31.748.744.000	3.526.866.202	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	-	-	6.967.896.000	4.197.424.450	-
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	-	-	-	1.960.000.000	296.929.565	-
	1.823.010.325.862	302.986.630.680	2.296.334.010.600	1.239.856.966.719	49.739.178.329	305.210.115.000
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ			2.125.996.956.542			1.289.596.145.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong năm

	2016 VND	2015 VND
Giao dịch với VPII		
Công ty liên kết mua lại cổ phiếu quỹ	-	15.592.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.827.062.500	105.271.668.811
Thu hồi tiền cho vay	-	42.440.000.000
Lãi cho vay phải thu	-	895.955.557
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty liên kết		195.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ kinh doanh	33.827.062.500	15.592.500.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả	15.021.792.228	7.010.478.891
Giao dịch với Công ty CP Nước Tân Hiệp		
Góp vốn	32.250.000.000	38.700.000.000
Giao dịch với CII B&R (*)		
Mua tài sản	6.769.437.846	-
Thu hồi tiền cho vay	156.900.000.000	-
Hoàn trả vốn và lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	9.570.674.578	-
Chi lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	4.965.452.776	-
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	120.832.648.150	-
Lãi cho vay phải thu	4.682.958.923	-
Lãi vay phải trả	3.134.331.552	-

(*) Chỉ những giao dịch phát sinh kể từ thời điểm CII B&R trở thành công ty liên kết của Công ty được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty NBB	220.946.899.601	-	220.966.485.000	-	-	-
Cổ phiếu Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	-	143.153.395.000	-	-
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	60.902.310.701	-	-	-	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	-	-	29.500.000.000	-	-
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty CP BOO Nước Đồng Tâm	-	-	-	185.387.309.892	-	-
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Aqua	-	-	-	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-
Công ty CP Đầu tư và XD cầu Đồng Nai	-	-	-	9.000.000.000	-	-
Đầu tư khác	-	-	-	144.000.000	-	-
Cộng	489.202.605.302	-	220.966.485.000	404.787.604.892	(2.902.900.000)	-

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Tiền gửi có kỳ hạn	15.781.111.111	15.781.111.111	480.976.929.625	480.976.929.625
Cộng	15.781.111.111	15.781.111.111	480.976.929.625	480.976.929.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các công ty CII B&R và NBB được xác định được theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Giá trị hợp lý của các công ty khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn	1.068.003.460	2.559.970.349
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	340.325.642	2.036.498.493
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	122.838.698	-
Trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	157.665.644	89.220.900
Chi phí bảo hiểm	179.946.506	357.094.590
Chi phí sửa chữa khác chờ phân bổ	267.226.970	77.156.366
b. Dài hạn	75.588.153.264	181.358.073.738
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc mới chờ phân bổ (i)	54.276.385.386	82.183.153.742
Chi phí lãi vay đầu tư dự án nước Cù Chi chờ phân bổ	15.067.196.083	-
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	4.052.181.698	8.366.769.152
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	820.546.489	527.343.065
Chi phí phần mềm chờ phân bổ	396.178.278	-
Chi phí lãi vay dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm chờ phân bổ	-	74.515.745.068
Chi phí đền bù và trùng tu mỏ đá	-	8.776.355.353
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	-	4.511.278.636
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, cải tạo văn phòng	530.516.437	2.325.269.413
Chi phí khác chờ phân bổ	445.148.893	152.159.309
Cộng	76.656.156.724	183.918.044.087

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho các dự án B.O.T phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay của dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới là 13,2%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (*)	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	Cộng
	VND	VND	VND	VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%	22%	22%	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	-	(4.235.889.023)	(4.235.889.023)
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	-	(162.515.175)	(162.515.175)
Tại ngày 01/01/2016	-	-	4.398.404.198	4.398.404.198
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	-	(1.456.910.125)	(1.456.910.125)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(4.825.804.238)	(4.825.804.238)
Tại ngày 31/12/2016	-	-	1.029.510.085	1.029.510.085
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	70.610.038	70.610.038
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	1.622.059.656	(70.610.038)	1.551.449.618
Tại ngày 01/01/2016	55.286.150.596	1.622.059.656	-	56.908.210.252
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	(1.622.059.656)	-	(1.622.059.656)
Giảm do thanh lý công ty con	(55.286.150.596)	-	-	(55.286.150.596)
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				(3.078.969.781)

(*) Đây là khoản thuế hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG cao hơn so với giá trị ghi khi CII B&R mua lại công ty con này. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi sau năm 2016. Thuế thu nhập hoãn lại từ việc đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày mua được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mua. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được giảm trừ vào lợi ích Công ty nhận được khi thoái vốn CII B&R dẫn đến mất quyền kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI VÀ HỢP NHẤT KINH DOANH

Giá trị
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2016

543.296.115.121

Hợp nhất kinh doanh trong năm (Thuyết minh 20.1)

24.609.611.737

Giảm do thoái vốn trong công ty con (Thuyết minh 20.2)

(145.154.939.598)

Tại ngày 31/12/2016

422.750.787.260

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2016

64.907.832.212

Giảm do thoái vốn trong công ty con

(69.040.591.058)

Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất

81.653.525.640

Tại ngày 31/12/2016

77.520.766.794

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2016

478.388.282.909

Tại ngày 31/12/2016

345.230.020.467

20.1 Hợp nhất kinh doanh trong năm

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con – Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (trước đây là công ty liên kết của CII B&R): Ngày 19 tháng 7 năm 2016, CII B&R, khi còn là công ty con của Công ty, đã mua thêm 2% vốn góp của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, nâng tỷ lệ sở hữu từ 49,75% lên 51,75%. Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Điều chỉnh cho giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.519.669.638	-	10.519.669.638
Các tài sản ngắn hạn khác	136.467.367.442	-	136.467.367.442
Tài sản cố định hữu hình	4.268.466.996	-	4.268.466.996
Tài sản cố định vô hình	305.495.838.592	290.719.123.179	596.214.961.771
Tài sản dài hạn khác	7.133.007.581	-	7.133.007.581
Nợ ngắn hạn	(34.189.488.885)	-	(34.189.488.885)
Thuế hoãn lại phải trả	-	(58.143.824.636)	(58.143.824.636)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(237.447.984.543)	-	(237.447.984.543)
Tài sản thuần có thể xác định được	192.246.876.821	232.575.298.543	424.822.175.364
Đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm mua	101.665.115.976	138.610.469.024	240.275.585.000
Giá trị hợp lý của phần vốn mua thêm	4.179.502.488	-	4.179.502.488
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			204.976.699.613
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh			449.431.787.101
Lợi thế thương mại			24.609.611.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI VÀ HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Ngày 26 tháng 7 năm 2016, CII E&C đã mua lại 100% phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C. Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua cũng như làm phát sinh một khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh hợp nhất như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Điều chỉnh cho giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.491.447.523	-	3.491.447.523
Các tài sản ngắn hạn khác	54.287.961.609	-	54.287.961.609
Tài sản cố định hữu hình	3.278.469.598	-	3.278.469.598
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	649.993.093	-	649.993.093
Nợ ngắn hạn	(43.511.944.815)	-	(43.511.944.815)
Tài sản thuần có thể xác định được	18.195.927.008	-	18.195.927.008
Giá phí hợp nhất kinh doanh			7.410.000.000
Lãi từ giao dịch giá rẻ			(10.785.927.008)

20.2 Thoái vốn công ty con trong năm

a) *Thoái vốn nhưng không làm mất quyền kiểm soát trong công ty con - giao dịch nội bộ giữa các cổ đông của tập đoàn.*

Trong tháng 3, Công ty thực hiện hoán đổi 491,275 tỷ VND trái phiếu phát hành cho MPTC (NCI của CII B&R) thành 27.293.055 cổ phiếu LGC. Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong CII B&R giảm từ 81,51% xuống 67,36%. Việc hoán đổi ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số tiền VND
Tổng giá hoán đổi	491.275.000.000
Giảm tài sản thuần	(333.008.175.412)
Giảm lợi thế thương mại từ mua CII B&R	(622.473.388)
Lợi nhuận được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất	157.644.351.200

Ngày 8 tháng 6 năm 2016, Công ty bán 4.130.000 cổ phiếu LGC, giảm tỷ lệ sở hữu từ 67,36% xuống còn 65,22%, ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số tiền VND
Tổng tiền nhận về	95.299.000.000
Giảm tài sản thuần	(51.657.265.966)
Giảm lợi thế thương mại từ mua CII B&R	(77.752.593)
Lợi nhuận được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất	43.563.981.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI VÀ HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

b) *Thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát trong công ty con*

Trong tháng 9, Công ty tiếp tục hoán đổi trái phiếu đợt 2 phát hành cho MPTC với tổng mệnh giá là 528,725 tỷ VND thành 29.373.611 cổ phiếu LGC và chuyển nhượng 1.904.000 cổ phiếu LGC cho các nhà đầu tư khác dẫn đến Công ty mất quyền kiểm soát CII B&R. Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong CII B&R giảm xuống còn 49% nên CII B&R từ công ty con trở thành công ty liên kết của Công ty. Ảnh hưởng trọng yếu của nghiệp vụ thoái vốn đến báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày thoái vốn như sau:

	Số tiền VND
Tổng giá hoán đổi	528.725.000.000
Tổng tiền nhận về	48.361.600.000
Tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.242.445.089.693
Giảm các khoản nợ phải trả ngắn hạn	1.122.716.420.254
Giảm các khoản nợ dài hạn	4.129.244.146.001
Giảm NCI	1.159.738.674.114
Giảm các tài sản ngắn hạn	(1.827.379.625.906)
Giảm các tài sản dài hạn	(6.144.016.835.286)
Giảm lợi thế thương mại	(97.061.071.131)
Lãi phát sinh	162.773.397.739
Kết chuyển lãi từ các lần thoái vốn trong năm nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát (xem Thuyết minh 20.2.a)	201.208.332.641
Kết chuyển lãi từ các lần thoái vốn nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát trong năm trước (*)	216.934.585.945
Tổng lãi được ghi nhận vào KQKD hợp nhất trong năm	580.916.316.324

(*) Trong năm 2015, Công ty thực hiện tái cấu trúc bằng việc chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường đang sở hữu trực tiếp cho CII B&R và thoái một phần vốn trong CII B&R nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát. Đây được xem như giao dịch vốn giữa các cổ đông của tập đoàn do đó lãi thoái vốn không được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2015. Năm nay, khi Công ty tiếp tục thoái vốn CII B&R dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ lãi ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất năm trước được kết chuyển vào kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay.

Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng 19.480.000 cổ phần CII E&C, giảm tỷ lệ sở hữu từ 99,54% xuống 49%, CII E&C trở thành công ty liên kết. Ảnh hưởng trọng yếu của nghiệp vụ thoái vốn đến báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số tiền VND
Tổng tiền nhận về	428.560.000.000
Tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	231.685.620.466
Giảm các khoản nợ phải trả ngắn hạn	828.475.007.026
Giảm các khoản nợ dài hạn	10.812.324.739
Giảm NCI	13.255.083.968
Giảm các tài sản ngắn hạn	(1.163.208.779.800)
Giảm các tài sản dài hạn	(102.892.634.090)
Giảm lợi thế thương mại	(47.393.642.485)
Lãi được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	199.292.979.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CII E&C	123.186.219.855	123.186.219.855	-	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	100.762.504.540	100.762.504.540	40.696.743.769	40.696.743.769
Công ty CP Đầu Tư XNK Kỹ Thuật Việt	19.286.959.362	19.286.959.362	6.666.637.266	6.666.637.266
Công ty CP ROADCO	-	-	16.781.679.941	16.781.679.941
XyLem Water Solutions (HongKong) Limited	-	-	25.105.601.648	25.105.601.648
Khác	52.316.720.146	52.316.720.146	96.121.749.085	96.121.749.085
Cộng	295.552.403.903	295.552.403.903	185.372.411.709	185.372.411.709

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty CII E&C	123.186.219.855	-	-	-
-----------------	-----------------	---	---	---

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khách hàng đặt cọc mua nhà ở thuộc Dự án Khu nhà ở Lake View_Lô 3.1, Khu đô thị mới Thủ Thiên	35.486.467.000	-
Các khách hàng khác	10.756.657.168	26.176.869.251
Cộng	46.243.124.168	26.176.869.251

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.999.397.820	1.470.691.979	187.533.906	1.716.239.747
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.625.285.560	27.682.871.101	57.585.541	-
Thuế thu nhập cá nhân	155.632.497	282.080.196	218.432.384	91.984.685
Các khoản khác	576.571.588	576.571.588	2.615.816.316	2.615.816.316
Cộng	31.356.887.465	30.012.214.864	3.079.368.147	4.424.040.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.506.211.967	56.443.382.274	62.179.238.875	3.770.355.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.824.777.880	151.331.419.237	192.122.088.217	26.034.108.900
Thuế thu nhập cá nhân	978.044.945	19.969.078.807	16.275.794.019	4.671.329.733
Thuế nhà thầu	591.842.105	8.873.062.925	9.464.905.030	-
Các khoản phải nộp khác	2.989.806.551	25.062.985.983	24.985.045.570	3.067.746.964
Cộng	80.890.683.448	261.679.929.226	305.027.071.711	37.543.540.963

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.241.486.936	27.753.477.135
Chi phí mua hàng hóa, vật tư chưa có hóa đơn chứng từ	4.942.505.951	35.170.625.961
Cộng	17.183.992.887	62.924.103.096

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	11.623.740	162.390.030
Bảo hiểm xã hội	390.031.930	1.243.916.491
Bảo hiểm y tế	4.512.780	71.304.656
Bảo hiểm thất nghiệp	246.200	70.264.498
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	188.135.000	73.042.200
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	625.842.762.567	189.808.166.669
Phải trả lãi trái phiếu	31.705.342.288	104.073.120.940
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	158.999.326.336	41.024.409.712
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	24.280.379.960	18.240.212.660
Phải trả lãi vay ngân hàng	20.105.851.778	3.716.967.694
Phải trả chi phí sử dụng vốn	16.820.822.077	1.723.812.222
Các khoản thu hộ	4.789.928.341	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	-	17.889.964.092
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.288.747.257	28.250.870.731
	884.427.710.254	406.348.442.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.820.826.116	5.330.746.894
Nhận vốn hợp tác kinh doanh từ CII B&R (i)	253.350.299.759	-
	258.171.125.875	5.330.746.894
Cộng	1.142.598.836.129	411.679.189.489
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Phải trả VPPII	197.663.801.488	223.698.040.173
Phải trả CII B&R	417.158.211.633	-
Cộng	614.822.013.121	223.698.040.173

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII B&R để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên. Số dư phải trả đầu kỳ đã được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất vì tại thời điểm đó CII B&R đang là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng VDB - CN Tp. HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	332.486.869.418	232.486.869.418	-	-
Ngân hàng HDBank - CN Tp. HCM	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	31.578.113.589	31.578.113.589	61.284.030.690	29.705.917.101	-	-
Công ty CP Đầu tư Việt Thành	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV- CN Tp. HCM	-	-	506.312.775.273	705.893.694.211	199.580.918.938	199.580.918.938
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	-	-	349.890.141.303	449.043.423.888	99.153.282.585	99.153.282.585
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	-	-	511.143.958.763	607.321.964.541	96.178.005.778	96.178.005.778
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cộng Hòa	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	-	-	24.124.865.838	24.124.865.838	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đồng	-	-	-	965.109.986	965.109.986	965.109.986
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	-	-	28.838.771.789	58.343.687.523	29.504.915.734	29.504.915.734
Ngân hàng Vietcombank - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	102.518.200.000	117.518.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	-	-	15.417.993.149	15.417.993.149	-	-
Vay các cá nhân khác	-	-	16.500.000.000	16.500.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	290.219.576.095	290.219.576.095	-	-	217.036.004.000	217.036.004.000
Trái phiếu đến hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	590.797.689.684	590.797.689.684	2.067.517.606.223	2.367.321.725.655	717.418.237.021	717.418.237.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho một số khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng VDB -CN Tp. HCM	100.000.000.000	6 tháng	12/06/2017	10,50%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	6.400.000 cổ phiếu LGC
Ngân hàng HDBank - CN Tp. HCM	60.000.000.000	12 tháng	14/01/2017	10,25%	Bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	409.114 cổ phiếu (mệnh giá 100.00 VNĐ) của Công ty CP B.O.O Nước Thủ Đức và 6.310.400 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ) của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	31.578.113.589	3 tháng	21/03/2017	8,25%	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Quyền đòi nợ 3 bên giữa Công ty, ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Tuần Lộc
Công ty CP Đầu tư Việt Thành	9.000.000.000	1 tháng	18/01/2016	11,00%	Bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.798.269.665.778	1.798.269.665.778	2.017.427.495.855	5.261.242.754.397	5.115.268.496.415	5.115.268.496.415
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	848.099.784.699	848.099.784.699	373.550.950.979	3.477.579.321.721	3.952.128.155.441	3.952.128.155.441
Ngân hàng BIDV-CN Tp. HCM	615.537.488.436	615.537.488.436	615.537.488.436	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	208.334.333.000	208.334.333.000	395.000.000.000	186.665.667.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng VP Bank -CN Tp. HCM	102.184.307.738	102.184.307.738	16.371.121.897	2.500.000.000	88.313.185.841	88.313.185.841
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đồng	61.400.000.000	61.400.000.000	-	9.600.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Tp. HCM	52.000.000.000	52.000.000.000	334.995.000.000	282.995.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	933.328.000	933.328.000	-	350.004.000	1.283.332.000	1.283.332.000
Ngân hàng BIDV- CN Tây Sài Gòn	-	-	-	402.679.568.925	402.679.568.925	402.679.568.925
Ngân hàng Eximbank - Sở giao dịch 1	-	-	-	237.858.000.000	237.858.000.000	237.858.000.000
Ngân hàng BIDV- CN Bình Dương	-	-	4.024.950.000	222.045.708.458	218.020.758.458	218.020.758.458
Ngân hàng Eximbank - CN Sài Gòn	-	-	-	160.336.899.750	160.336.899.750	160.336.899.750
Ngân hàng BIDV- CN Bến Tre	-	-	277.947.984.543	277.947.984.543	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN Tây Đô, Tp. Cần Thơ	-	-	-	684.600.000	684.600.000	684.600.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(290.219.576.095)	(290.219.576.095)			(217.036.004.000)	(217.036.004.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Nợ thuê tài chính	-	-	10.467.812.982	23.839.863.982	13.372.051.000	13.372.051.000
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	10.467.812.982	23.839.863.982	13.372.051.000	13.372.051.000
Trái phiếu phát hành	1.183.596.500.000	1.189.851.000.000	405.278.808.419	1.296.646.500.000	2.174.964.191.581	2.202.851.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng VIB-CN Tp. HCM	376.353.500.000	380.000.000.000	380.000.000.000	3.646.500.000	-	-
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	287.392.000.000	290.000.000.000	1.304.000.000	-	286.088.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	157.000.000.000	157.000.000.000	12.231.993.067	273.000.000.000	417.768.006.933	430.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành năm 2015 Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	- (100.000.000.000)	- (100.000.000.000)	11.742.815.352	1.020.000.000.000	1.008.257.184.648	1.020.000.000.000
Cộng vay và nợ dài hạn	2.981.866.165.778	2.988.120.665.778	2.433.174.117.256	6.581.729.118.379	7.303.604.738.996	7.331.491.547.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	130.991.000.000	6 năm	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 9-9,3%	Tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, công ty dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2) và góp vốn vào Công ty CP XD Cầu Sài Gòn.	Nguồn thu từ hoạt động thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc
	640.930.000.000	11 năm	02/04/2026		Chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi	Tài sản hình thành trong tương lai của dự án, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án
	76.178.784.699	7 năm	11/02/2022		Bù đắp chi phí hợp lý đầu tư vào dự án mua "Khu văn phòng, thương mại, dịch vụ Lữ Gia" để cho thuê	Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia. Quyền đòi nợ và thu hưởng số tiền đòi nợ từ việc cho thuê văn phòng của dự án
	848.099.784.699					
Ngân hàng BIDV-CN Tp. HCM	615.537.488.436	7 năm	21/04/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,55%	Vay để hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	69.700.000 cổ phiếu LGC. Công ty cam kết sẽ không sử dụng dự án BT này để cầm cố thế chấp cho các khoản vay hay nghĩa vụ tài chính cho một bên nào khác.
Ngân hàng TMCP Bán Việt - CN Sài Gòn	208.334.333.000	3 năm	25/04/2019	Lãi suất trong năm là 9%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	10.327.700 cổ phiếu SII

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Á	200.000.000.000	4 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.133.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này
Ngân hàng VP Bank -CN Tp. HCM	102.184.307.738	8 năm	05/06/2022	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 9,2%	Đầu tư xây dựng dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m3/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;	Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, Tp. Pleiku; toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m3/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đồng	61.400.000.000	7 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8%-10%	Đầu tư nhà máy cấp nước Đankia	Quyền sử dụng đất thửa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7 - Thành phố Đà Lạt. Đây là đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Tp. HCM	52.000.000.000	3 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,6%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	Quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các lợi ích khác trong phạm vi 10% phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn phát sinh từ Hợp đồng Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2.
Ngân hàng TMCP Á Châu	933.328.000	4 năm	03/08/2019	Lãi suất trong năm là 8,7%	Thanh toán tiền mua xe Ô tô Mazda CX9 AWD cho Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Xe Ô tô Mazda CX9 AWD - Tài sản hình thành từ khoản vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương – Mỹ Thuận phát hành cho VIAC (No. 1) Limited Partnership

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi: 10.000 VND. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào CII B&C, mua cổ phần SII, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND.

Trái phiếu 1.000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11, Tp. Hồ Chí Minh;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 843 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 843 tỷ VND.

Lịch thanh toán cho các khoản vay dài hạn và trái phiếu thường

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	290.219.576.095	217.036.004.000
Trong năm thứ hai	373.694.289.715	422.494.512.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	988.256.331.245	1.146.502.305.536
Sau năm năm	436.319.044.818	3.559.643.729.879
	2.088.489.241.873	5.345.676.551.415
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(290.219.576.095)	(217.036.004.000)
Cộng	1.798.269.665.778	5.128.640.547.415

Các khoản trái phiếu thường sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	100.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	182.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.007.851.000.000	1.182.851.000.000
Sau năm năm	-	1.020.000.000.000
	1.289.851.000.000	2.202.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(100.000.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(6.254.500.000)	(27.886.808.419)
Cộng	1.183.596.500.000	2.174.964.191.581

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự phòng phải trả Kênh Đông Water Holdings	-	48.534.083.235
Dự phòng phải trả Metro Pacific Tollways	-	97.516.694.445
Cộng	-	146.050.777.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí bồi hoàn tổn thất cho Kênh Đông Water Holdings với giá trị là 12.615.678.540 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ giá trị dự phòng tổn thất này đã được thanh toán đủ cho nhà đầu tư.

Khoản dự phòng phải trả cho MPTC đã được hoàn nhập toàn bộ trong năm do Công ty đã có những bằng chứng đáng tin cậy cho thấy khả năng đáp ứng đầy đủ các điều kiện tiên quyết quy định trong hợp đồng phát hành trái phiếu cho MPTC. Nhà đầu tư đã chấp nhận miễn trừ nghĩa vụ bồi hoàn tổn thất cho Công ty sau khi Công ty cung cấp cho nhà đầu tư Chứng thư bảo lãnh đã được ngân hàng Vietinbank - chi nhánh 11 phát hành với số tiền được bảo lãnh là 109.390.744.414 VND.

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khoản hỗ trợ của Nhà Nước (i)	600.000.000.000	600.000.000.000
Cộng	600.000.000.000	600.000.000.000

(i) Đây là số tiền mà Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (xem Thuyết minh số 16). Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá thành nước thực tế của SII và giá phí nước được UBND duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi năm 2011	-	-	2.401.220.992	578.799.000.000	576.397.779.008	578.799.000.000
Trái phiếu chuyển đổi năm 2014	67.756.000.000	67.756.000.000	-	150.428.000.000	218.184.000.000	218.184.000.000
Cộng	67.756.000.000	67.756.000.000	2.401.220.992	729.227.000.000	794.581.779.008	796.983.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	67.756.000.000	578.799.000.000
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	218.184.000.000
	67.756.000.000	796.983.000.000
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	-	(2.401.220.992)
Cộng	67.756.000.000	794.581.779.008

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Số dư cuối kỳ là trái phiếu chuyển đổi trong đợt phát hành vào tháng 6 năm 2014 với tổng mệnh giá là 1.081.846.000.000 VND. Thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.
- Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty CII E&C, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiến hành 3 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu là 1.014.090, tương đương tổng mệnh giá là 1.014.090.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 92.180.368 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	1.867.549.040.000	176.578.874.261	-	6.660.084.447	105.344.887.951	525.139.141.171	535.542.409.464	3.216.814.437.294
Chuyển đổi trái phiếu	402.831.340.000	7.327.660.000	-	-	-	-	-	410.159.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	10.260.000.000	-	-	-	-	-	-	10.260.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	624.593.504.909	167.017.266.673	791.610.771.582
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(196.643.412.000)	-	-	-	-	(196.643.412.000)
Lợi nhuận khi thoái một phần vốn công ty con	-	-	-	-	-	181.717.080.747	(185.322.140.105)	(3.605.059.358)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(610.776.333.200)	(47.455.521.836)	(658.231.855.036)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	29.470.243.536	(48.878.667.997)	-	(19.408.424.461)
Giao dịch vốn trong nội bộ tập đoàn với NCI của công ty con không làm mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	135.138.658.343	(135.138.658.343)	-
NCI đầu tư vào công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	1.086.378.668.669	1.086.378.668.669
Tặng khác	-	-	-	-	-	3.480.431.117	1.048.795.000	4.529.226.117
Giảm khác	-	(18.600.000)	-	-	-	(458.148.911)	-	(476.748.911)
Tại ngày 31/12/2015	2.280.640.380.000	183.887.934.261	(196.643.412.000)	6.660.084.447	134.815.131.487	809.955.666.179	1.422.070.819.522	4.641.386.603.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	2.280.640.380.000	183.887.934.261	(196.643.412.000)	6.660.084.447	134.815.131.487	809.955.666.179	1.422.070.819.522	4.641.386.603.896
Chuyển đổi trái phiếu	457.641.990.000	229.369.893.100	-	-	-	-	-	687.011.883.100
Phát hành cổ phiếu ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	838.279.691.403	160.231.239.035	998.510.930.438
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(607.565.681.000)	-	-	-	-	(607.565.681.000)
Kết chuyển lãi thoái vốn công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát trong năm trước (<i>xem Thuyết minh số 20</i>)	-	-	-	-	-	(216.934.585.945)	-	(216.934.585.945)
Thoái vốn công ty con mất quyền kiểm soát (<i>xem Thuyết minh số 20</i>)	-	-	-	-	-	-	(1.172.993.758.082)	(1.172.993.758.082)
Giao dịch với NCI	-	-	-	-	(18.912.394.550)	(1.009.194.828)	404.587.030.757	384.665.441.379
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(328.435.226.600)	(116.561.668.193)	(444.996.894.793)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R	-	-	-	-	-	(4.965.452.776)	-	(4.965.452.776)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	49.139.309.703	(100.767.857.074)	(499.166.338)	(52.127.713.709)
NCI tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	113.460.118.066	113.460.118.066
Công ty con mua lại cổ phiếu từ NCI	-	-	-	-	-	-	(38.367.998.784)	(38.367.998.784)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(2.918.714)	(72.508.627)	(212.171.681)	(287.599.022)
Tại ngày 31/12/2016	2.748.282.370.000	413.257.827.361	(804.209.093.000)	6.660.084.447	165.039.127.926	996.050.531.733	771.714.444.302	4.296.795.292.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	31/12/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	274.828.237	228.070.438
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	274.828.237	228.064.038
+ Cổ phần phổ thông	274.828.237	228.064.038
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(33.561.510)	(9.810.000)
+ Cổ phần phổ thông	(33.561.510)	(9.810.000)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	241.266.727	218.254.038
+ Cổ phần phổ thông	241.266.727	218.254.038
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia 2 đợt cổ tức năm 2016 như sau:

- Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 6,5% tương đương 171.611.854.050 VND cho 273.828.237 cổ phiếu;
- Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 2 với tỷ lệ 6,5% tương đương 156.823.372.550 VND cho 274.828.237 cổ phiếu.

31. DOANH THU

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	593.416.781.302	591.996.533.188
Doanh thu từ hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	187.520.278.001	565.734.592.426
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	188.792.996.444	419.320.315.338
Doanh thu bán hàng	143.427.173.753	134.080.682.013
Doanh thu cung cấp nước sạch	65.462.176.230	27.756.568.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	28.587.878.670	10.846.137.789
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	25.970.896.855	24.922.574.446
	1.233.178.181.255	1.774.657.403.704
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(22.320.616.434)	(22.132.821.912)
Giảm giá hàng bán	(92.047.811)	(136.365.805)
Hàng bán bị trả lại	(9.707.203)	(1.440.481.242)
	(22.422.371.448)	(23.709.668.959)
Doanh thu thuần	1.210.755.809.807	1.750.947.734.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. GIÁ VỐN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	342.026.439.042	346.975.192.095
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	101.431.002.779	292.418.025.229
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	150.504.037.956	360.509.545.549
Giá vốn hàng đã bán	115.132.699.840	123.916.128.766
Giá vốn cung cấp nước sạch	54.942.295.454	22.787.856.027
Giá vốn cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	18.341.200.731	1.990.164.028
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	12.132.029.716	13.244.318.006
Cộng	794.509.705.518	1.161.841.229.700

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận từ thoái vốn trong công ty con	912.234.677.587	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.827.484.004	101.434.442.221
Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con (i)	138.610.469.024	331.727.954.844
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	104.810.903.175	88.089.265.694
Lãi chậm thanh toán dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (ii)	83.425.309.189	148.035.347.422
Cổ tức, lợi nhuận được chia	85.002.578.317	119.299.474.865
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	25.688.060.058	-
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính khác	13.010.212.932	-
Lãi đầu tư trái phiếu	1.731.040.105	3.295.200.756
Thu nhập từ phát hành trái phiếu hoán đổi	-	220.233.281.926
Lãi chậm thanh toán	-	17.847.486.356
Doanh thu tài chính khác	92.139.278	7.746.009
Cộng	1.498.432.873.669	1.029.970.200.093

(i) Khoản lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (xem Thuyết minh số 20.1.a). Khoản lãi này không được dùng để chia cổ tức.

(ii) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn, được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	435.085.542.012	448.932.002.037
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	123.845.715.225	22.100.000.000
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	20.014.985.251	36.767.652.703
Chi phí bồi hoàn tổn thất cho nhà đầu tư	12.615.678.540	97.516.694.445
Hoàn nhập dự phòng bồi hoàn tổn thất cho nhà đầu tư (xem Thuyết minh số 27)	(97.516.694.445)	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.020.000.000
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá của trái phiếu chuyển đổi bằng ngoại tệ đã ghi nhận trong các năm trước	(42.205.116.900)	-
Chi phí tài chính khác	6.500.172.320	3.580.301.239
Cộng	458.340.282.003	617.916.650.424

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí in vé thu phí giao thông	874.365.087	1.323.028.526
Chi phí nhân viên	12.369.189.708	7.037.775.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.592.516	43.882.800
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.100.465.246	256.115.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.159.903.224	18.989.045.487
Cộng	25.026.515.781	27.649.847.217

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	133.087.089.619	83.943.446.323
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.643.226.118	2.470.056.452
Chi phí khấu hao	13.959.813.074	13.596.048.461
Thuế, phí và lệ phí	839.572.623	8.337.843.309
Chi phí dự phòng	(4.099.927.102)	15.236.711.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.784.818.138	11.183.740.600
Chi phí bằng tiền khác	17.167.820.359	8.680.516.982
Phân bổ lợi thế thương mại	90.627.463.422	34.144.665.604
Cộng	277.009.876.251	177.593.029.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. THU NHẬP KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ (xem Thuyết minh số 20.1.a)	10.785.927.008	127.663.582.862
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.291.852.424	2.850.975.228
Tiền phạt chậm thanh toán	39.160.359	108.826.480
Xử lý các khoản nợ phải trả	-	158.145.007
Thu nhập khác	649.482.849	819.978.001
Cộng	14.766.422.640	131.601.507.578

38. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	10.019.942.208	5.778.637.780
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	2.638.360.000	611.092.193
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	(213.490.061)	224.561.776
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	2.792.011.434	958.440.756
Cộng	15.236.823.581	7.572.732.505

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	164.410.887.071	147.767.339.364
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	25.298.096.882	146.109.989
Cộng	189.708.983.953	147.913.449.353,0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Chi tiết quyết toán thuế TNDN hiện hành:

	2016		2015	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	131.692.176.102	1.053.448.768.508	184.727.976.153	752.111.805.377
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	891.004.717	(233.407.478.833)	33.226.950	(82.117.646.689)
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	891.004.717	24.150.659.815	33.226.950	50.544.854.515
Phân bổ lợi thế thương mại và các khoản chi phí khác phát sinh khi hợp nhất	-	100.865.639.457	-	34.144.665.604
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	-	24.800.733.104	-	107.751.910.377
Hoàn nhập thu nhập/(lỗ) chịu thuế bị loại trừ khi hợp nhất	-	(12.035.452.867)	-	316.980.879.780
Lãi từ công ty liên kết, liên doanh	-	(31.309.041.628)	-	(16.893.828.203)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(110.690.638.375)	-	(119.299.474.865)
Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	-	(246.913.090.477)	-	(459.391.537.706)
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	17.723.712.138	-	4.044.883.809
Thu nhập chịu thuế	132.583.180.819	820.041.289.675	184.761.203.103	669.994.158.688
Lỗ năm trước mang sang	-	(6.077.514.498)	-	-
Thu nhập tính thuế	132.583.180.819	813.963.775.177	184.761.203.103	669.994.158.688
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	132.583.180.819	-	184.761.203.103	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	-	813.963.775.177	-	23.272.346.613
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 22%	-	-	-	646.721.812.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.258.318.082	162.792.755.035	18.476.120.310	146.933.267.979
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước nộp bổ sung vào năm nay	-	25.298.096.882	-	146.109.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(11.640.186.047)	-	(16.807.977.541)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-	(834.071.384)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.618.132.036	188.090.851.917	834.071.385	147.079.377.968

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T, B.O.O và B.T của các công ty con được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	838.279.691.403	624.593.504.909
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(41.913.984.570)	(40.315.529.283)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	796.365.706.833	584.277.975.626
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	245.409.889	204.491.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.245	2.857

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo tài chính hợp nhất năm trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm trước theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 26 tháng 4 năm 2016.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.

41. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Yếu tố có tác động suy giảm đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty là các trái phiếu chuyển đổi. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm cho số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trong tương lai. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	796.365.706.833	584.277.975.626
Cộng lãi của trái phiếu chuyển đổi	6.504.576.000	7.802.342.427
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	802.870.282.833	592.080.318.053
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	245.409.889	204.491.902
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi từ trái phiếu	6.159.636	50.494.365
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	251.569.525	254.986.267
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.191	2.322

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2015 cũng đã được trình bày lại so với báo cáo tài chính hợp nhất năm trước do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi thực phát sinh cho số dư trái phiếu chuyển đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lương	8.060.111.498	7.921.988.176
Thưởng	16.182.565.689	10.375.194.549
Cộng	24.242.677.187	18.297.182.725

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ	4.272.517.118.029	8.836.120.032.167
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(744.284.929.972)	(1.757.488.542.789)
Nợ thuần	3.528.232.188.057	7.078.631.489.378
Vốn chủ sở hữu	4.296.795.292.769	4.641.386.603.896
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	82%	153%

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, một lĩnh vực yêu cầu giá trị vốn tài trợ lớn. Mặt khác, tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần bao gồm các khoản trái phiếu hoán đổi và chuyển đổi. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các nhà đầu tư sẽ thực hiện chuyển đổi hoặc hoán đổi các trái phiếu này trong tương lai thay vì nhận thanh toán bằng tiền nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	744.284.929.972	1.757.488.542.789
Các khoản cho vay	555.968.371.676	420.673.312.298
Phải thu khách hàng	865.268.359.494	1.015.731.408.548
Phải thu khác	705.711.787.591	762.737.388.486
Các khoản đầu tư tài chính	2.630.980.672.955	2.172.457.940.566
Cộng	5.502.214.121.688	6.129.088.592.687
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	295.552.403.903	185.372.411.709
Phải trả khác	1.142.192.421.479	348.647.763.844
Chi phí phải trả	17.183.992.887	62.924.103.096
Dự phòng phải trả	-	146.050.777.680
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.914.910.118.029	5.836.286.032.167
Trái phiếu thông thường	827.000.000.000	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	462.851.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	67.756.000.000	796.983.000.000
Cộng	5.727.445.936.298	9.579.115.088.496

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ trong năm không trọng yếu do đó rủi ro tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	744.284.929.972	-	-	744.284.929.972
Các khoản cho vay	471.757.301.956	84.211.069.720	-	555.968.371.676
Phải thu khách hàng	650.268.359.494	215.000.000.000	-	865.268.359.494
Phải thu khác	106.072.029.153	106.770.478.438	492.869.280.000	705.711.787.591
Các khoản đầu tư tài chính	15.781.111.111	-	2.615.199.561.844	2.630.980.672.955
Cộng	1.988.163.731.686	405.981.548.158	3.108.068.841.844	5.502.214.121.688
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	295.552.403.903	-	-	295.552.403.903
Phải trả khác	884.021.295.604	4.820.826.116	253.350.299.759	1.142.192.421.479
Chi phí phải trả	17.183.992.887	-	-	17.183.992.887
Dự phòng phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	1.116.640.452.251	1.361.950.620.960	436.319.044.818	2.914.910.118.029
Trái phiếu thông thường	100.000.000.000	727.000.000.000	-	827.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	-	462.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	67.756.000.000	-	-	67.756.000.000
Cộng	2.481.154.144.645	2.556.622.447.076	689.669.344.577	5.727.445.936.298
Chênh lệch thanh khoản thuần	(492.990.412.959)	(2.150.640.898.918)	2.418.399.497.267	(225.231.814.610)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TẠI NGÀY 01/01/2016

Tài sản tài chính

Tiền và tương

đương tiền	1.757.488.542.789	-	-	1.757.488.542.789
Các khoản cho vay	163.597.064.698	257.076.247.600	-	420.673.312.298
Phải thu				
khách hàng	1.015.731.408.548	-	-	1.015.731.408.548
Phải thu khác	260.344.145.862	104.023.962.624	398.369.280.000	762.737.388.486
Các khoản đầu tư				
tài chính	480.977.090.626	-	1.691.480.849.940	2.172.457.940.566
Cộng	3.678.138.252.523	361.100.210.224	2.089.850.129.940	6.129.088.592.687

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	185.372.411.709	-	-	185.372.411.709
Phải trả khác	343.317.016.950	5.330.746.894	-	348.647.763.844
Chi phí phải trả	62.924.103.096	-	-	62.924.103.096
Dự phòng phải trả	146.050.777.680			146.050.777.680
Các khoản vay	707.645.484.752	1.568.996.817.536	3.559.643.729.879	5.836.286.032.167
Trái phiếu thông thường	-	720.000.000.000	-	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	1.020.000.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	796.983.000.000	-	796.983.000.000
Cộng	1.445.309.794.187	3.554.161.564.430	4.579.643.729.879	9.579.115.088.496

Chênh lệch thanh khoản thuần

2.232.828.458.336	(3.193.061.354.206)	(2.489.793.599.939)	(3.450.026.495.809)
--------------------------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

Mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm nhưng hiện tại nhiều dự án về cầu đường, hạ tầng nước mà Công ty đầu tư đã bắt đầu đi vào hoạt động và mang lại lợi nhuận cho Công ty. Bên cạnh đó, với danh tiếng cùng với sức hút của cổ phiếu, Công ty dễ dàng tiếp cận được các nguồn tài trợ từ những nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Do đó, Công ty tin tưởng rằng sẽ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành khác trong cả nước là không trọng yếu.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông;; hoạt động duy tu, xấp lấp; hoạt động kinh doanh hạ tầng nước; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động bán hàng do Công ty sản xuất và hoạt động cung cấp các dịch vụ hạ tầng cùng với một số dịch vụ khác.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

2248
ING
i PH
TƯ HA
T TH
CHÍ N
P. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- a) Hoạt động thu phí giao thông: Công ty thực hiện thu phí các phương tiện tham gia giao thông tại các trạm trên các tuyến đường Công ty được phép thu phí để hoàn vốn đầu tư vào các dự án như:
 - + Trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới;
 - + Trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2);
 - + Trạm Cam Thịnh để hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
 - + Trạm ĐT 741 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng đường ĐT741, Bình Dương
 - + Trạm Cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư xây dựng Quốc Lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và Tiền Giang.
- b) Hoạt động duy tu, xây lắp: Thi công xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng; xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- c) Hoạt động kinh doanh hạ tầng nước: cung cấp, lắp đặt các thiết bị ngành nước, xử lý và cung cấp nước sạch.
- d) Hoạt động kinh doanh bất động sản: Xây dựng và bán căn hộ cho khách hàng, cho thuê văn phòng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- e) Hoạt động bán hàng: Công ty sản xuất và bán các thiết bị đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- f) Hoạt động cung cấp dịch vụ hạ tầng và một số dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh, đường xá.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận được thể hiện như bảng dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T VND	Hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình VND	Hoạt động kinh doanh hạ tầng nước VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động bán hàng VND	Cung cấp dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu								
Cung cấp ra bên ngoài	571.096.164.868	187.520.278.001	254.255.172.674	25.970.896.855	143.325.418.739	28.587.878.670	-	1.210.755.809.807
Cung cấp cho các bộ phận	-	600.681.878.468	-	1.616.753.879	-	13.508.140.260	(615.806.772.607)	-
Cộng	571.096.164.868	788.202.156.469	254.255.172.674	27.587.650.734	143.325.418.739	42.096.018.930	(615.806.772.607)	1.210.755.809.807
Giá vốn								
Cung cấp ra bên ngoài	342.026.439.042	101.431.002.779	205.446.333.410	12.132.029.716	115.132.699.840	18.341.200.731	-	794.509.705.518
Cung cấp cho các bộ phận	-	600.969.878.468	-	-	-	9.692.279.940	(610.662.158.408)	-
Cộng	342.026.439.042	702.400.881.247	205.446.333.410	12.132.029.716	115.132.699.840	28.033.480.671	(610.662.158.408)	794.509.705.518
Lợi nhuận gộp bộ phận	229.069.725.826	85.801.275.222	48.808.839.264	15.455.621.018	28.192.718.899	14.062.538.259	(5.144.614.199)	416.246.104.289
Doanh thu hoạt động tài chính								1.498.432.873.669
Chi phí tài chính								458.340.282.003
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết								31.309.041.628
Chi phí bán hàng								25.026.515.781
Chi phí quản lý doanh nghiệp								277.009.876.251
Thu nhập khác								14.766.422.640
Chi phí khác								15.236.823.581
Chi phí thuế TNDN hiện hành								189.708.983.953
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								(3.078.969.781)
Tổng lợi nhuận sau thuế								998.510.930.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T VND	Hoạt động xây dựng, đầu tư, xây lắp công trình VND	Hoạt động kinh doanh hạ tầng nước VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động bán hàng VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu								
Cung cấp ra bên ngoài	569.863.711.276	565.734.592.426	447.076.883.842	24.922.574.446	132.503.834.966	10.846.137.789	-	1.750.947.734.745
Cung cấp cho các bộ phận	-	705.361.716.733	106.367.874.857	1.532.450.619	61.690.405	25.076.611.656	(838.400.344.270)	-
Cộng	569.863.711.276	1.271.096.309.159	553.444.758.699	26.455.025.065	132.565.525.371	35.922.749.445	(838.400.344.270)	1.750.947.734.745
Giá vốn								
Cung cấp ra bên ngoài	346.975.192.095	292.418.025.229	383.297.401.576	13.244.318.006	123.916.128.766	1.990.164.028	-	1.161.841.229.700
phận	1.692.856.381	810.098.425.614	-	160.291.548	-	11.251.821.725	(823.203.395.268)	-
Cộng	348.668.048.476	1.102.516.450.843	383.297.401.576	13.404.609.554	123.916.128.766	13.241.985.753	(823.203.395.268)	1.161.841.229.700
Lợi nhuận gộp bộ phận	221.195.662.800	168.579.858.316	170.147.357.123	13.050.415.511	8.649.396.605	22.680.763.692	(15.196.949.002)	589.106.505.045
Doanh thu hoạt động tài chính								1.029.970.200.093
Chi phí tài chính								617.916.650.424
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết								16.893.828.203
Chi phí bán hàng								27.649.847.217
Chi phí quản lý doanh nghiệp								177.593.029.243
Thu nhập khác								131.601.507.578
Chi phí khác								7.572.732.505
Chi phí thuế TNDN hiện hành								147.913.449.353
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								(2.684.439.405)
Tổng lợi nhuận sau thuế								791.610.771.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty đã thực hiện phân loại lại số dư đầu kỳ của khoản vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ký với NBB từ khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản mục Phải thu dài hạn khác. Đồng thời số dư phải thu về khoản lợi nhuận đảm bảo được hưởng từ dự án này cũng được trình bày là khoản Phải thu khác để đảm bảo tính so sánh với số liệu cuối năm. Chi tiết các khoản được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu	Mã số	01/01/2016	Trình bày lại	01/01/2016
		Trình bày năm trước		Trình bày năm nay
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	243.376.375.739	62.757.198.114	306.133.573.853
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	243.376.375.739	62.757.198.114	306.133.573.853
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.106.028.962.001	(62.757.198.114)	1.043.271.763.887
5. Phải thu dài hạn khác	216	644.902.483.887	398.369.280.000	1.043.271.763.887
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	461.126.478.114	(461.126.478.114)	-
CỘNG TÀI SẢN	270	1.349.405.337.740	-	1.349.405.337.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

46. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 24 tháng 11 năm 2016 Công ty và nhà đầu tư Keb Hana Banktrustee And Custodian Business (Ngân hàng đại diện cho Quỹ Đầu tư Rhinos Asset Management (“RAM”) đã ký Hợp đồng đặt mua trái phiếu trị giá 40 triệu USD. Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty chính thức phát hành trái phiếu chuyển đổi cho RAM và thu về 40 triệu USD.

Theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐQT (NK 2012-2017), Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty đã chấp thuận việc mua lại cổ phần Công ty VPII từ các cổ đông hiện hữu của VPII. Ngày 16 tháng 1 năm 2017, Công ty CII đã hoàn tất việc mua lại cổ phần và tăng tỷ lệ sở hữu tại VPII hơn 99,99%. Như vậy, kể từ ngày 16 tháng 1 năm 2017, VPII chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngày 17 tháng 2 năm 2016, công ty CII đã thực hiện thành công giao dịch mua 10.238.570 cổ phiếu của Công ty CII B&R và tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,31%.

Để cơ cấu lại danh mục đầu tư, Công ty đã tiếp tục mua vào cổ phiếu NBB. Đến ngày 21 tháng 2 năm 2017, số lượng cổ phiếu NBB mà Công ty nắm giữ là 15.201.585 đơn vị, nâng tỷ lệ sở hữu lên 23,81%. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy trở thành công ty liên kết của Công ty.

Ngày 6 tháng 3 năm 2017, CII E&C, công ty liên kết (trước là công ty con của Công ty) đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết lên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, CII E&C đăng ký niêm yết toàn bộ 41,5 triệu cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ 415 tỷ VND.

Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Mai Hương
Kê toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Số: 143/2017/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

V/v: giải trình chênh lệch sau kiểm toán báo cáo tài chính
hợp nhất cho năm tài chính 2016

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) được hợp nhất từ báo cáo của công ty mẹ và 6 công ty con trong đó 3 công ty con cũng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó khi có sự thay đổi số liệu trước và sau kiểm toán của các đơn vị thành viên cũng sẽ làm thay đổi số liệu trong báo cáo hợp nhất của toàn Công ty.

Công ty CII giải trình chênh lệch một số khoản mục trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất (số liệu kiểm toán) so với báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2016 đã lập (số liệu trước kiểm toán) như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	2.144.763.672.445	2.125.996.956.542	(18.766.715.903)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	598.212.689.684	590.797.689.684	(7.415.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.016.959.685.862	996.050.531.733	(20.909.154.129)

Nguyên nhân:

(i) Mã số 252: Chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết giảm so với số trước kiểm toán là 18.766.715.903 VND vì:

- Lợi nhuận sau thuế quý 4 sau kiểm toán của một số Công ty liên kết giảm, dẫn đến: (a) phần sở hữu của CII trong kết quả kinh doanh của công ty này giảm; hoặc CII giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết này khi giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 50% so với số trước kiểm toán.
- Lợi nhuận của công ty liên kết thuộc công ty con giảm so với trước kiểm toán cũng làm giảm chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết của CII

(ii) Mã số 320: Chênh lệch của khoản mục Vay và nợ thuê tài chính là do Kiểm toán viên phân loại bổ sung các khoản nợ dài hạn đến hạn trả sang vay ngắn hạn.

(iii) Mã số 421: Chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay chủ yếu là do thay đổi phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của các công ty liên kết như chúng tôi đã giải trình ở mục (i). Phần chênh lệch còn lại là do chênh lệch kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán của các công ty con. Tuy nhiên chênh lệch này là có tỷ trọng không đáng kể.



2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Các chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.239.489.990.563	1.233.178.181.255	(6.311.809.308)
Giá vốn hàng bán	11	817.194.202.404	794.509.705.518	(22.684.496.886)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.504.132.048.867	1.498.432.873.669	(5.699.175.198)
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	48.039.491.383	31.309.041.628	(16.730.449.755)

Nguyên nhân:

(i) Mã số 01: Chênh lệch doanh thu là do trước kiểm toán tập đoàn chưa loại trừ đầy đủ doanh thu và giá vốn phát sinh từ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn.

(ii) Mã số 11: Chênh lệch giá vốn giữa số liệu trước và sau kiểm toán và do các nguyên nhân sau:

- Công ty Con điều chỉnh giảm giá vốn trong năm theo kết quả của kiểm toán.
- Loại trừ bổ sung giá vốn từ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn.

(iii) Mã số 21: Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với số trước kiểm toán là do:

- Kiểm toán viên điều chỉnh giảm doanh thu tài chính trên báo cáo của công ty thành viên.
- Lãi từ việc thoái vốn CII E&C được điều chỉnh tăng do thay đổi tài sản thuần của CII E&C sau kiểm toán.

(iiii) Mã số 24: Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết: vui lòng xem giải trình mã số 252 của Bảng cân đối kế toán.

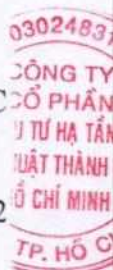
Sự thay đổi các chỉ tiêu làm lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ giảm nhẹ so với trước kiểm toán. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 838.279.691.403 VND, so với trước kiểm toán (là: 855.508.244.615 VND), giảm 2,01%.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Các chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
Tăng giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(1.088.446.009.780)	(1.740.934.487.797)	(652.488.478.017)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	165.915.086.639	147.521.859.114	(18.393.227.525)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	720.410.180.030	1.258.207.683.682	537.797.503.652
	26	551.797.393.570	668.342.998.801	116.545.605.231

(i) Chênh lệch của chỉ tiêu các khoản phải thu (mã số 09) là do:

- Loại trừ số tiền lãi Công ty nhận được từ thanh lý các khoản đầu tư vốn vào công ty khác khỏi biến động các khoản phải thu sang dòng tiền đầu tư (mã số 26) với số tiền là 116.545.605.231 VND;



- Điều chỉnh số tiền 352.309.254.338 VND từ biến động các khoản phải thu sang biến động các khoản phải trả cho đúng bản chất.
- Phần chênh lệch còn lại là do kiểm toán viên loại trừ số dư của khoản cho vay nội bộ ra khỏi biến động của khoản phải thu.

(ii) Chênh lệch của chi tiêu hàng tồn kho (mã số 10) là do khoản điều chỉnh tăng hàng tồn kho và giá vốn của công ty thành viên trên báo cáo hợp nhất của công ty này sau khi thực hiện kiểm toán.

(iii) Chênh lệch của chi tiêu nợ phải trả (mã số 11) là do kiểm toán viên điều chỉnh số tiền 352.309.254.338 VND từ biến động các khoản phải thu sang biến động các khoản phải trả như đã giải trình tại điểm (i). Phần chênh lệch còn lại là do phân loại trừ số dư phải trả nội bộ giữa CII và các công ty con thoái vốn trong năm ra khỏi biến động của khoản phải trả.

(iiii) Chênh lệch của chi tiêu Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (mã số 26) : vui lòng xem giải trình ở mục (i) của phần này.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT

